

Tiến Thịnh, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**THUYẾT MINH
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN
THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ TIẾN THỊNH NĂM 2025**

A. CƠ SỞ LẬP DỰ TOÁN:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027;

Căn cứ các nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội: số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phân trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025; số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể của thành phố Hà Nội quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 14/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 4538/HD-STC ngày 31/7/2024 của Sở Tài chính về Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện Mê Linh: số 40/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của huyện Mê Linh; số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 huyện Mê Linh; số 05/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022, cập nhập, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 huyện Mê Linh

Căn cứ Quyết định số 5988/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mê Linh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu,

số điều và biện pháp thi hành, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, các Nghị quyết của HĐND Thành phố về chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ, dân phòng,....; Hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố về xây dựng khu dân cư, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hòa giải ở cơ sở; chi hoạt động thường xuyên của các Đảng ủy xã; tổ chức trao tặng huy hiệu Đảng; kinh phí hoạt động của HĐND cấp xã; kinh phí khoán chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tại xã; hỗ trợ hoạt động của Tổ dân vận xã, thị trấn; hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; hoạt động Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã; kinh phí đặt báo cho cơ sở thôn, tổ dân phố; kinh phí trang bị phương tiện bảo vệ dân phố; kinh phí chi hỗ trợ cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng cháy chữa cháy và chi các hoạt động sự nghiệp khác theo phân cấp nhiệm vụ chi của xã, thị trấn;

* Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã không bao gồm quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc; chi thù lao Chủ tịch Hội đặc thù ở xã, thị trấn;

2.1.3 Bổ sung có mục tiêu: Tổng kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp trên là **3.195,655 triệu đồng**, trong đó:

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với tổ dân vận thôn: 31,5 triệu đồng;
- Kinh phí nâng mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Hội NCT, Hội CTĐ xã: 40 triệu đồng (trong đó hỗ trợ 20 triệu đồng/Hội);
- Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 01/6/2023 của Chính phủ: Kinh phí khoán hoạt động chi theo mức lương 1,8 triệu đồng đối với các Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: 110 triệu đồng (kinh phí khoán là 22 triệu đồng/đoàn thể);
- Kinh phí thực hiện đối với người hoạt động KCT ở xã, thôn: 537 triệu đồng;
- Kinh phí Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025 – 2023: là 545,706 triệu đồng (trong đó Đại hội Đảng bộ cấp xã là 450 triệu đồng, hỗ trợ kinh phí tổ chức đại hội các chi bộ cơ sở là 95,706 triệu đồng)
- Kinh phí tăng thêm biên chế đối với cán bộ công chức và cán bộ KCT xã: 91 triệu đồng;
- Kinh phí hoạt động tổ an ninh trật tự: 236,776 triệu đồng;
- Kinh phí bổ sung nguồn thực hiện CCTL đối với đơn vị thiếu nguồn: 1.604,673 triệu đồng.

2.1.4 Bổ sung dự toán giao chi từ 50% tăng thu ngân sách xã để thực hiện chính sách an sinh xã hội và nhiệm vụ theo phân cấp: 659,440 triệu đồng. Trong đó:

Chi lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở (NQ12/2024/NQ-HĐND): 589,44 triệu đồng;

chi ngân sách năm 2024 của huyện Mê Linh;

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH NĂM 2025.

*** Tình hình chung:**

Tại Quyết định số Quyết định số 5988/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mê Linh về việc giao chi tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán chi trên địa bàn là **13.364.310.000 đồng** (Mười ba tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm mười nghìn đồng chẵn), bằng 156,4% dự toán giao năm 2024;

I. Ngân sách xã Tiến Thịnh.

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn. (Chi tiết theo biểu đính kèm)

Thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn xã theo chi tiêu pháp lệnh: **13.364,31 triệu đồng**;

Tổng thu Ngân sách xã được hưởng theo chi tiêu pháp lệnh là **13.364,31 triệu đồng**, trong đó: thu điều tiết các khoản thu trên địa bàn là 2.598,879 triệu đồng; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 10.765,431 triệu đồng (gồm: Thu bổ sung cân đối: 7.568,776 triệu đồng; thu bổ sung có mục tiêu là 3.196,655 triệu đồng);

2. Dự toán chi NSNN xã Tiến Thịnh: (theo biểu đính kèm).

Tổng chi ngân sách xã là **13.364,31 triệu đồng**, trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương là 552,951 triệu đồng, chi đầu tư XDCB là 500 triệu đồng. Ngoài ra, nguồn kinh phí hoạt động của Đảng ủy xã được chi từ nguồn thu đảng phí được trích lại để chi theo quy định là 72 triệu đồng;

2.1. Chi thường xuyên:

Nguyên tắc phân bổ và điều hành ngân sách:

2.1.1 Định mức khoán chi ngân sách xã (để thực hiện chế độ tự chủ).

a) **Đối tượng áp dụng:** Bao gồm cán bộ, công chức và những người hoạt động chuyên trách thị trấn thuộc:

+ Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND xã; Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng; Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội; Ban chỉ huy quân sự;

+ Đảng ủy xã; Ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội nông dân; Hội Cựu chiến binh;

b) Nội dung định mức khoán chi ngân sách xã:

Kinh phí quản lý hành chính thực hiện chế độ tự chủ được xác định và giao dự toán (theo định mức khoán chi), bao gồm:

*** Giao quỹ tiền lương theo biên chế: 3.513,4 triệu đồng.**

dựng đề án, chương trình và các khoản chi hành chính khác phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy chính quyền xã, thị trấn;

Tuy nhiên, trong năm UBND xã phải điều hành những công việc chung tại xã. Do vậy, sau khi dành nguồn kinh phí điều hành tập trung tại xã, số kinh phí tự chủ còn lại được phân bổ như sau:

Cán bộ, công chức được giao chi hoạt động theo mức là 30 triệu đồng/biên chế/năm; Khối Đảng ủy và Quân sự giao chi hoạt động theo mức là 30 triệu đồng/biên chế/năm; Khối đoàn thể chính trị giao chi hoạt động theo mức là 30 triệu đồng/biên chế/năm;

Cán bộ không chuyên trách giao chi hoạt động mức 10 triệu đồng/biên chế/năm đối với Đảng ủy và Quân sự xã; Khối đoàn thể chính trị giao chi hoạt động theo mức là 10 triệu đồng/biên chế/năm;

10% tiết kiệm từ nguồn định mức khoán chi để thực hiện CCTL là 203,4 triệu đồng

2.1.2 Định mức chi thường xuyên khác ngân sách xã (tính theo dân số) với tổng số tiền là 2.992 triệu đồng (trong đó: dân số là ... dân, với nguồn kinh phí là triệu đồng); đã trừ đi 72 triệu đồng nguồn Đảng phí được giữ lại để chi theo quy định; 10% tiết kiệm từ nguồn chi thường xuyên khác tính theo dân số là 349,551 triệu đồng, số kinh phí còn lại được chi trong năm 2025 là 2.642,449 triệu đồng;

* Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã được tính giảm dần theo 07 bậc dân số, cụ thể như sau:

Từ 5.000 người dân trở xuống: định mức 300.000 đồng/người dân;

Từ người dân thứ 5.001 đến 10.000: định mức 210.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 10.001 đến 15.000: định mức 170.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 15.001 đến 20.000: định mức 100.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 20.001 đến 25.000: định mức 90.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 25.001 đến 30.000: định mức 70.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 30.001 trở lên: định mức 50.000đồng/người dân;

Trường hợp định mức chi thường xuyên khác của xã, thị trấn tính theo nguyên tắc nêu trên thấp hơn 1.500 triệu đồng thì được đảm bảo mức ngân sách tối thiểu là 1.500 triệu đồng/xã, thị trấn;

* Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí chi các nội dung sau: Hỗ trợ các Hội đặc thù theo quy định của UBND Thành phố; hoạt động Ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng; chi công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật an toàn xã hội trên địa bàn xã (theo phân cấp của thành phố); kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ năm 2020, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2016 của Chính phủ, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã theo phân cấp và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 Quy định một

Chi thực hiện Dự hội TDIT: 50 triệu đồng

Chi thực hiện Dự hội khuyến học: 20 triệu đồng

2.2. Chi đầu tư XD/CB từ nguồn ngân sách xã: 300 triệu đồng;

2.3. Chi dự phòng ngân sách: Tổng dự toán chi dự phòng là 100,000 triệu đồng. Được sử dụng để chi các nhiệm vụ bất thường trong năm như: Chi khắc phục thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, tăng cường công tác an ninh, trật tự an toàn xã hội, công tác quốc phòng. Trước khi sử dụng, UBND xã xin ý kiến TT, HĐND xã xem xét, quyết định.

Trên đây là thuyết minh phương án phân bổ và điều hành dự toán thu, chi NSNN xã năm 2024, UBND xã báo cáo và xin ý kiến HĐND xã Triệu Phong;

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT Đảng ủy - HĐND (để b/cáo);
- Các đ/c PCT UBND xã;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH


Trần Anh Tấn

THÔNG BÁO

Về việc công khai dự toán, chi tiêu biểu mẫu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Tiến Thịnh năm 2025 được HĐND quyết định

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 5988/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mê Linh về việc giao chi tiêu kinh tế xã hội và dự toán thu chi ngân sách nhà nước huyện Mê Linh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 về phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Tiến Thịnh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 28/12/2024 của UBND xã Tiến Thịnh về việc giao chi tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán thu – chi ngân sách năm 2025 xã Tiến Thịnh

UBND xã Tiến Thịnh Thông báo:

Công khai dự toán, chi tiêu biểu mẫu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Tiến Thịnh năm 2025 đã được HĐND xã quyết định, cụ thể như sau:

Công khai theo biểu mẫu 108/CKTC-NSNN, 109/CKTC-NSNN, 110/CKTC-NSNN, 111/CKTC-NSNN, 112/CKTC-NSNN theo thông tư 343/2016/TT-BTC.

Công khai thuyết minh số liệu dự toán trình HĐND xã quyết định.

Thời gian công khai: 30 ngày (Từ 02/01/2025 đến 02/02/2025)

Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã

Địa điểm công khai: Trụ sở UBND xã

UBND xã thông báo để đại biểu HĐND, cán bộ công chức và nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- T² Đảng ủy – HĐND xã (b/c);
- MTTQ, các đoàn thể;
- Lưu: VP, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Anh Tân

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán đã được HĐND Quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		Ghi chú
		THU NSNN	THU NSX	
A	B	3	4	
	TỔNG THU	13.364,31	13.364,31	
I	Các khoản thu 100%	680	680	
	Phí, lệ phí	40	40	
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	90	90	
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-	-	
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	-	
	Thu đền bù do NN thu hồi đất	500	500	
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-	-	
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	-	
	Thu khác	50	50	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.918,9	1.918,9	
1	Các khoản thu phân chia	1.918,9	1.918,9	
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	153,1	153,1	
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	-	-	
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	31,0	31,0	
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.734,7	1.734,7	
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định			
III	Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách			
IV	Thu chuyển nguồn			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.765,4	10.765,4	
	- Thu bổ sung cân đối	7.568,8	7.568,8	
	- Thu bổ sung có mục tiêu	3.196,7	3.196,7	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán đã được HĐND Quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	13.364.310	TỔNG SỐ CHI	13.364.310
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	680.000	I. Chi đầu tư phát triển	500.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.918.879	II. Chi thường xuyên	12.864.310
III. Thu bổ sung	10.765.431	1. Quỹ lương	3.513.409
Bổ sung cân đối	7.568.776	2. Định mức khoán chi thường xuyên ngân sách xã	1.644.000
Bổ sung có mục tiêu	3.196.655	3. Định mức chi thường xuyên khác	2.992.000
		4. Dự toán chi từ nguồn 50% tăng thu NSX để thực hiện các CS ASXH và nhiệm vụ theo phân cấp ngân sách	659.440
		5. Bổ sung giao chi thực hiện các nhiệm vụ chính sách và nhiệm vụ theo phân cấp	3.196.655
		Bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ Thành phố giao năm 2025	1.591.982
		Bổ sung nguồn thực hiện CCTL đối với đơn vị thiếu nguồn	1.604.673
		6. Dành nguồn thực hiện CCTL	659.440
		7. Dự phòng ngân sách	199.366

(Bảng chữ: Mười ba tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu ba trăm mười nghìn đồng chẵn./.)

DỰ TOÁN CHI DÀU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025				Ghi chú
						Tổng số	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn ngân sách xã	Nguồn đóng góp		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Kỳ Đồng	2021 - 2023	6.202	6.202	4.790	500	500	500		
	TỔNG SỐ		6.202	6.202	4.790	500	500	500		